

# SỰ TÍCH, NGUỒN GỐC LÀNG MÔ

NGUYỄN NGỌC CẦU

**T**rên bản đồ tỉnh Quảng Bình, ở miền thượng nguồn sông Long Đại có một địa danh đề là “Làng Mô” vậy Làng Mô ở đâu? Hình thành lúc nào? Vai trò của nó đối với địa phương ra sao? Là một người dân Làng Mô (cháu nội của ông Nguyễn Hoài Châu, một trong hai người khai khẩn ra Làng Mô), đã từng sống nhiều năm ở Làng Mô, qua tìm hiểu những tư liệu sống thuộc dòng họ kết hợp với tìm hiểu một số tư liệu liên quan, tôi xin được nêu vài nét về quá trình hình thành Làng Mô và vai trò của Làng Mô đối với địa phương và cộng đồng nói chung.

Gọi là “làng Mô” là gọi chệch đi, chứ sự thật cái địa danh đầu tiên mà làng chúng tôi gọi là “làng Mộ”, thuộc cả vùng đất ở thượng nguồn sông Long Đại gồm hai vùng lớn là Bến Tiêm (phía dưới) và Cạc (phía trên) nay là xã Trường Sơn. Hai vùng cách xa nhau khoảng 10 cây số.

Gọi là “làng Mộ” với ý là làng do hai người khai khẩn đầu tiên đứng ra chiêu mộ, chiêu tập nhiều người ở nhiều địa phương khác nhau đến cùng nhau khai phá, xở hoang các vùng đất rừng núi nói trên lập thành làng mới để làm ăn, sinh sống và lập nghiệp. “Làng Mộ” là cái địa danh được những người khai khẩn đặt ra đầu tiên, sau đó người ta gọi chệch đi thành “Làng Mô” đã nói ở trên.

Hai người khai khẩn ra “Làng Mộ” là ông Dương Ty quê làng Biều Duệ, tổng Hà Trung, tỉnh Hà Tĩnh và ông Nguyễn Hoài Châu quê thôn Chánh Hùng, huyện phù Cát, tỉnh Bình Định.

Ông Dương Từ là một nghĩa quân Cần Vương. Khi phong trào Cần Vương thất bại, ông lánh mình vào ẩn náu ở vùng xã Hiền Ninh hiện nay và thượng nguồn sông Long Đại. Ông gắn bó với đồng bào miền xuôi vùng chợ Cộc và một số đồng bào Vân

Kiều ở thượng nguồn sông Long Đại. Ông thường dạy chữ và lấy thuốc nam cứu chữa cho nhiều người nên trong vùng ai cũng tôn kính gọi bằng thầy. Ông và một số người giúp việc ngược dòng sông Long Đại lên quan sát, tìm hiểu vùng Bến Tiêm và Cạc...

Đầu thế kỉ XX, khoảng năm 1902, ông kết bạn với ông Nguyễn Hoài Châu từ Bình Định ra, một người vốn giỏi võ nghệ, giỏi chữ nghĩa, có tài bốc thuốc. Ông Nguyễn Hoài Châu là người khí khái, căm ghét giặc Pháp và đã từng tham gia phong trào Văn Thân. Hai ông gặp nhau đầu tiên ở Đồng Hới, sau đó làm lễ kết nghĩa anh em ở vùng Hiền Ninh. Họ đều có lòng căm thù thực dân Pháp và có quyết tâm chống Pháp và tay sai. Hai ông bàn nhau tìm và ổn định một vùng đất để sinh sống và làm căn cứ chống Pháp. Vùng đồng bằng thì đều nằm trong tay bọn Pháp và tay sai kiểm soát. Chỉ có thể tìm và dựa vào vùng rừng núi hẻo lánh mới mong làm nên sự nghiệp lớn. Hai ông tiên chiêu mộ, chiêu tập nhiều người thiếu đói tha phương cầu thực lên vùng Bến Tiêm và Cạc - nơi mà ông Dương Ty đã đi “tiền trạm” trước đó - để lập làng mới, tức là Làng Mộ. Người dân miền xuôi theo lên làm ăn ngày càng đông, họ khai hoang, làm rẫy trồng nhiều loại cây màu, nhiều nhất là ngô và khai thác các loại lâm thổ sản. Đồng bào Vân Kiều sống rải rác hai bên sườn núi thấy người miền xuôi lên nhiều thì rất vui mừng và mở rộng giao lưu với người Kinh trong việc đổi chác, mua bán lương thực, thực phẩm.

Ông Dương Ty viết tờ trình xin quan phủ tiếp tục chiêu dân lập ấp và được chấp thuận. Cái tên Làng Mộ được đổi thành Làng Trường Môn. Ông Dương Từ được cử làm lý trưởng của Trường Môn. Tại sao có cái tên Trường Môn? Theo “Đại Nam nhất thống chí”, tập II, quyển 3, phần nói về tỉnh Quảng Bình,



trang 17, thì Trường Môn là tên chữ của Làng Mộ (Sau gọi là Làng Mộ) đăng ký trong sổ bộ điền địa khi lập làng và khắc trong khuôn dấu của làng.

Trường Môn có nghĩa là cửa vào Trường Sơn, nay là xã Trường Sơn. Trong phong trào Văn Thân - Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX, vùng này có nhiều căn cứ của nghĩa quân.

Đình Làng Trường Môn được dựng lên ở Bến Tiêm. Từ đó, việc làm ăn phát triển, rẫy nương trù phú. Giao lưu bằng thuyền ngược xuôi liên tục để trao đổi hàng hoá, lương thực, thực phẩm, lâm sản giữa miền xuôi và miền ngược. Thông qua đó, đồng bào Kinh - Thượng có điều kiện hiểu nhau hơn. Các nghĩa quân trong phong trào Văn Thân - Cần Vương trước đây ngụ ở trong vùng cũng thường lui tới với hai ông.

Hai ông Dương Ty và Nguyễn Hoài Châu đã từng tâm sự: “Làm trai mà ngồi khoanh tay chịu nhục mất nước là không xứng làm trai”. Họ tìm được một kho vũ khí của Văn Thân - Cần Vương cất giấu ở Âm Hôn (vùng Cạc) trước đó. Họ còn liên hệ với lực lượng chống Pháp Bạch Xi và tướng Bạch Xi phụ trách mua sắm vũ khí ở các nơi về cung cấp thêm cho hai ông. Sau đó bọn Pháp và tay sai biết được việc cất giấu vũ khí và các hoạt động của hai ông, chúng cho lính lên lấy hết vũ khí và bắt các ông Dương Ty, Nguyễn Hoài Châu về giam ở Đồng Hới, kết án tử hình ông Dương Ty. Sau khi tạm tha ông Nguyễn Hoài Châu, chúng hăm dọa: “Nếu tiếp tục làm giặc chống lại “các ông lớn” thì tất cả dân Làng Mộ sẽ bị kết án như ông Ty...!”

Sau khi ông Dương Ty mất, người con trai duy nhất của ông là Dương Thạch mới 7 tuổi. Ông Nguyễn Hoài Châu nhận Dương Thạch làm con nuôi, chăm sóc như con đẻ và tiếp tục thay ông Dương Ty điều hành công việc Làng Mộ.

Ông Nguyễn Hoài Châu có hai con trai là Nguyễn Liên và Nguyễn Hoài Diễm (còn gọi là ông Gộ). Năm 1937, sau khi ông Nguyễn Hoài Châu mất, người con trai trưởng là ông Nguyễn Liên, một người thông minh và tháo vát làm lý trưởng Làng Trường Môn. Làm chức vụ lý trưởng nhưng ông Nguyễn Liên đã hoạt động cách mạng từ năm 1937 và năm 1942 làm Bí thư chi bộ Trường Môn do xứ ủy viên Trung Kỳ Nguyễn Đức Thường tổ chức (lịch sử Đảng bộ huyện Quảng Ninh, tập 1, 1930 - 1945, trang 46, 60, 61).

Từ sau khi ông Nguyễn Liên làm lý trưởng, Làng Trường Môn tiếp tục phát triển, củng cố và định hình. Vị trí địa lý và các địa danh của Trường Môn lúc đó như sau:

Làng kéo dài từ vùng Bến Tiêm lên đến vùng Cạc (từ Hiền Ninh đến vùng Bến Tiêm khoảng hơn 20 cây số đường sông).

Vùng Bến Tiêm có 3 địa danh là Bến Tiêm, Đá Một và Nước Đắng, tất cả dài khoảng hơn 4 cây số, rộng trên dưới 1,5 cây số. Từ Bến Tiêm ngược dòng sông Long Đại đi lên khoảng 10 cây số mới đến vùng Cạc nhưng phải qua 12 thác nước lớn nhỏ trong đó có 3 thác lớn nhất là: Tâm Lu, Bồng và Cồn Ong, cao trên 3m nước.

Vùng Cạc dài gần 6 cây số, rộng gần 2 cây số có những địa danh theo cách gọi cũ kể từ trên xuống là: Bãi Giường, Rẫy Làng, Cây Cà, Khe Cốc, Bãi Hà Cộ, Âm Hôn, Bãi Rộng, Lũng Lãng, Lũng Rụng, Cổ Tràng (đến nay những tên cũ này phần lớn đã được thay đổi mới như Liên Sơn, Xuân Sơn, Tân Sơn, Hồng Sơn,...).

Như vậy nếu tính cả hai vùng (Bến Tiêm và Cạc) thì Làng Trường Môn trước đây kéo dài đến khoảng 20 cây số với 13 địa danh đã nói ở trên.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, vùng Cạc trở thành xã Trường Sơn ngày nay. Trong kháng chiến chống Pháp, vùng Bến Tiêm mang tên xã Trường Giang (nay không còn xã này nữa).

Vị trí địa lý và đặc điểm của Trường Môn đã góp phần quan trọng trong đời sống xã hội từ trước đến nay. Biết đây là vùng rừng núi hẻo lánh, địa thế rộng có thể liên lạc với nhiều nơi nên từ những năm 1940 - 1942 các đồng chí cán bộ xứ ủy Trung Kỳ như Bùi Trung Lập, Nguyễn Đức Thường đã đến đây thành lập chi bộ Trường Môn do đồng chí Nguyễn Liên làm Bí thư, lập ở đây một cơ sở cách mạng mà địa bàn hoạt động gồm cả Làng Trường Môn và một số xã vùng đồng bằng.

Trong kháng chiến chống Pháp, vùng Bến Tiêm và Cạc (xã Trường Giang và Trường Sơn) là chiến khu vững chắc của huyện Quảng Ninh có hầu hết các cơ quan lãnh đạo của huyện đóng ở đây để lãnh đạo phong trào kháng chiến của huyện nhà...

Sự hình thành, phát triển và định hình của Làng Mộ, của Làng Trường Môn là như thế!

N.N.C